

Số: 02 /2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án  
đối với các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc  
Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 1  
năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính  
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 06/TTr-SXD  
ngày 05 tháng 01 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án  
đối với các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương  
trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**

## QUY ĐỊNH

### **Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Quyết định số 02 /2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La.

#### **Điều 3. Nội dung, định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án**

##### **1. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư bao gồm các thành phần chi phí sau:**

a) Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được tính bằng 2,448% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng và chỉ tính phần giá trị nhà nước đầu tư). Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản nêu trên đã bao gồm thực hiện công tác khảo sát xây dựng (nếu có);

Trường hợp phần thiết bị không có thiết kế chi tiết (chỉ có danh mục và thông số kỹ thuật), phần chi phí thiết bị được nhân bổ sung với hệ số 0,12 (tính công phần lập dự toán). Cụ thể: chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản = (chi phí xây dựng x 2,448%) + (chi phí thiết bị x 0,12 x 2,448%);

b) Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được tính bằng 0,0076% nhân với tổng mức đầu tư của dự án.

2. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án được tính bằng 1,9429% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng và chỉ tính phần giá trị nhà nước đầu tư). Chi phí hỗ trợ quản lý dự án nêu trên bao gồm việc thực hiện các nhiệm vụ: Quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, giám sát thi công xây dựng.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) có trách nhiệm hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc giúp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quá trình triển khai thực hiện.

## **2. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn quản lý;

b) Giao phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã có đề nghị.

## **3. Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn trong việc lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản và trong quá trình giám sát thi công xây dựng đối với các dự án được giao quản lý;

b) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo thẩm quyền./.